

SO SÁNH QUY ĐỊNH "TÒA ÁN HỖ TRỢ THU THẬP TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ" TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG*

Tóm tắt: Chứng cứ giữ vai trò trung tâm trong giải quyết các vụ việc dân sự, là cơ sở để Tòa án xác định sự thật khách quan và ra phán quyết đúng pháp luật. Nguyên tắc "ai yêu cầu người đó phải chứng minh" được thừa nhận rộng rãi trong hệ thống pháp luật dân sự toàn thế giới, song pháp luật Việt Nam và Trung Quốc đều quy định cơ chế Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý của các đương sự. Bài viết tập trung phân tích, so sánh quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng nguyên tắc này ở hai quốc gia, từ đó rút ra nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) Việt Nam.

Từ khóa: Chứng cứ; thu thập chứng cứ; Tòa án; tố tụng dân sự; Việt Nam; Trung Quốc
Ngày nhận bài: 22/8/2025; Biên tập xong: 10/9/2025; Duyệt đăng: 22/9/2025

COURT-ASSISTED EVIDENCE COLLECTION IN CIVIL PROCEEDINGS: A COMPARATIVE STUDY OF VIETNAM AND CHINA

Abstract: Evidence plays a central role in civil proceedings, serving as the basis for courts to identify objective facts and render lawful judgments. While the principle that "parties bear the burden of providing and proving evidence" is widely recognized, both Vietnam and China stipulate mechanisms for courts to assist in evidence collection to ensure access to justice. This article analyzes and compares the legal provisions and practical application of this principle in the two countries, and proposes recommendations for improving Vietnam's civil procedure law.

Keywords: Evidence; evidence collection; Court; civil procedure; Vietnam; China

Received: Aug 22, 2025; **Editing completed:** Sep 10, 2025; **Accepted for publication:** Sep 22, 2025

Trong TTDS, việc giải quyết vụ việc dựa trên chứng cứ do các đương sự cung cấp và chứng minh, tuân thủ nguyên tắc "ai yêu cầu người đó phải chứng minh"¹. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều đương sự gặp khó khăn khách quan trong việc tự mình thu thập chứng cứ, nhất là đối với những người tham gia tố tụng là người đồng bào dân tộc thiểu số, những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cũng như các đối tượng yếu thế khó tiếp cận pháp luật. Điều này đặc biệt đúng đối với các tài liệu do cơ quan, tổ chức khác quản lý mà công dân không dễ tiếp cận. Vì vậy, pháp luật TTDS Việt Nam và Trung Quốc đều quy định nguyên tắc Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ. Bài viết tập trung so sánh quy định của Việt Nam và Trung Quốc về vấn đề này, từ đó chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

¹ Nguyên tắc này được hình thành từ những quy định sơ khai nhất của pháp luật La Mã về luật TTDS. Về luật TTDS thời La Mã, Moriz Wlassac, Römische Prozessgesetze: Ein Beitrag zur Geschichte des Formularverfahrens, Verlag von Duncker & Humblot, 1988.

1. Quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ

1.1. Quy định của pháp luật

Quan hệ dân sự luôn được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự do, tự nguyện giữa các bên, do đó quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là một trong những nguyên tắc đặc trưng trong TTDS. Trách nhiệm cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS trước tiên và chủ yếu thuộc về đương sự, theo đó, đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác cũng có quyền và nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ, chứng minh như đương sự. Ngoài ra, nhằm đảm bảo việc thu thập chứng cứ được đầy đủ, góp phần giải quyết vụ án được chính xác, đúng căn cứ,

* Email: Phuongnguyen3615@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Dân sự - Hành chính & Kiểm sát hoạt động tư pháp, Phân hiệu Trường Đại học Kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh

pháp luật TTDS quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc trực tiếp thu thập chứng cứ và hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ. Vì vậy, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định: “Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do BLTTDS quy định”² là một trong những nội dung của nguyên tắc “Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS”. Tương ứng với quy định trên là nguyên tắc “trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền”, theo đó cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát theo quy định của BLTTDS và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát³.

Cụ thể hoá các nguyên tắc trên, đồng thời bảo đảm cho đương sự thực hiện hiệu quả nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh của mình, BLTTDS năm 2015 quy định các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ của đương sự như: Thu thập tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được; thông điệp dữ liệu điện tử; thu thập vật chứng; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cho sao chép hoặc cung cấp những tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ việc mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý... Trong đó, có biện pháp “yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nếu đương sự không thể thu thập tài liệu, chứng cứ”⁴ khi đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ việc dân sự một cách đúng đắn.

BLTTDS quy định trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án⁵. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Nếu không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đây không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Đối với trường hợp việc thu thập chứng cứ phải tiến hành ở nước ngoài thì Tòa án làm thủ tục ủy thác thông qua cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà nước đó và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cùng là thành viên của Điều ước quốc tế có quy định về vấn đề này⁶. Trường hợp không thực hiện được việc ủy thác theo quy định trên hoặc đã thực hiện việc ủy thác nhưng không nhận được kết quả trả lời thì Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ việc dân sự.

Như vậy, theo quy định của BLTTDS hiện hành, việc cung cấp chứng cứ và chứng minh trước tiên thuộc về đương sự, do đó đương sự có trách nhiệm thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án dân sự. Tòa án “hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ” trong các trường hợp cụ thể theo luật định.

Ngoài BLTTDS, quy định về “Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ” cũng được ghi nhận tại Luật Tố chức Tòa án nhân dân (TAND) năm 2014, và được Luật Tố chức TAND năm 2024 tiếp tục kế thừa tại quy định về “Việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong xét xử, giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án”⁷. Theo đó, “Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ”⁸. Điều này thể hiện tính thống nhất giữa các văn bản pháp luật quy định về chế định “Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ” trong tố tụng nói chung và TTDS nói riêng.

² Khoản 2 Điều 6 BLTTDS năm 2015.

³ Điều 7 BLTTDS năm 2015.

⁴ Điểm e khoản 1 Điều 97 BLTTDS năm 2015.

⁵ Khoản 3 Điều 106 BLTTDS năm 2015.

⁶ Khoản 4 Điều 105 BLTTDS năm 2015.

⁷ Điều 15 Luật Tố chức TAND năm 2024.

⁸ Khoản 4 Điều 15 Luật Tố chức TAND năm 2024.

1.2. Nhận xét, đánh giá

Việc ghi nhận rõ Tòa án không có trách nhiệm thu thập chứng cứ, tài liệu để giải quyết vụ án dân sự mà chỉ có trách nhiệm hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ khi có yêu cầu là tiệm cận với quy định trong pháp luật TTDS của nhiều quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển cao (theo hệ thống Common law). Tuy nhiên, xét về bản chất của hệ thống pháp luật nước ta là nghiêng về TTDS thẩm vấn, khả năng tiếp cận với chứng cứ của nhiều đương sự còn khó khăn, nhất là những đối tượng người dân tộc thiểu số, người có trình độ văn hóa thấp, những người lao động phổ thông... Việc phải chứng minh “đương sự không thể thu thập tài liệu, chứng cứ” hay “đã áp dụng các biện pháp cần thiết” có thể vô tình tạo ra thủ tục pháp lý phức tạp như đương sự phải làm đơn với nhiều yêu cầu chi tiết, phải giải trình các vấn đề liên quan, trong khi không phải đương sự nào cũng am hiểu pháp luật để trình bày nội dung được chính xác (ví dụ như không xác định được cơ quan đang lưu giữ tài liệu). Điều này đôi khi làm giảm hiệu quả thực tế của quy định. Trong thực tiễn, nhiều tài liệu, chứng cứ đang do cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác (như hồ sơ đất đai, hồ sơ thuế, dữ liệu ngân hàng, hồ sơ bảo hiểm...) quản lý, đương sự không thể tự mình thu thập được hoặc rất khó để thu thập, đặt ra yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm đảm bảo giải quyết vụ án được đúng căn cứ. Tuy nhiên, việc đương sự phải chứng minh “không thể thu thập được tài liệu, chứng cứ” và “đã áp dụng các biện pháp cần thiết” có thể dẫn đến nguy cơ kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Tại Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Tổ chức TAND (sửa đổi) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng chỉ rõ, thực tiễn xét xử cho thấy, nếu Tòa án không thu thập chứng cứ trong một số trường hợp nhất định thì có thể gặp khó khăn hoặc không giải quyết được vụ án, vụ việc, như: Tòa án thu thập chứng cứ trong việc xem xét lại quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (Điều 409 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 359 BLTTDS; Điều 293 Luật Tố tụng hành chính); một số biện pháp Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ do BLTTDS, Luật Tố tụng hành chính quy định (như đối chất; xem xét, thẩm định tại chỗ; trưng cầu giám định, định giá tài sản; ủy thác thu thập chứng cứ; thu thập chứng cứ ở

nước ngoài...). Mặt khác, việc quy định Tòa án thu thập chứng cứ cần xem xét điều kiện thực tiễn của nước ta như về trình độ dân trí, ý thức pháp luật, hoàn cảnh kinh tế của một bộ phận Nhân dân; số lượng vụ việc có luật sư tham gia; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân đang thực hiện (Điều 21 BLTTDS quy định Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm dân sự những vụ án Tòa án thu thập chứng cứ)⁹.

2. Quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật Trung Quốc về Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ

2.1. Quy định pháp luật

Luật TTDS của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1991, sửa đổi năm 2007, 2012, 2017, 2021 và 2023 (Luật TTDS năm 2023)¹⁰ quy định về trách nhiệm cung cấp chứng cứ của các bên đương sự, theo đó: Đương sự có trách nhiệm cung cấp chứng cứ cho yêu cầu của mình. TAND điều tra, thu thập chứng cứ khi đương sự, người đại diện của đương sự không thể tự mình thu thập vì lý do khách quan hoặc TAND xét thấy cần thiết cho việc xét xử vụ án¹¹. Đồng thời, Luật quy định trách nhiệm của đương sự trong việc cung cấp kịp thời chứng cứ cho yêu cầu bồi thường của mình¹². TAND căn cứ vào yêu cầu của các bên và các tình tiết của vụ án để xác định chứng cứ mà các bên phải cung cấp và thời hạn cung cấp. Nếu gặp khó khăn trong việc cung cấp chứng cứ trong thời hạn Tòa án đã ấn định thì có thể nộp đơn đề nghị TAND gia hạn thời hạn cung cấp chứng cứ. Trường hợp đương sự không cung cấp chứng cứ đúng thời hạn cho TAND thì phải giải thích lý do; nếu từ chối giải thích lý do hoặc lý do không xác đáng thì tùy từng trường hợp khác nhau, TAND có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận chứng cứ nhưng đương sự có thể phải chịu những chế tài tương ứng (khiển trách hoặc phạt tiền). Luật TTDS Trung Quốc cũng quy định về quyền thu thập chứng cứ của TAND khi giải quyết vụ án dân sự và trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, cụ thể: TAND có quyền điều

⁹ Song Hà (2024), *Tòa án thu thập và hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ là cần thiết*, <https://daibieunhandanvn/toa-an-thu-thap-va-ho-tro-thu-thap-tai-lieu-chung-cu-la-can-thiet-10338462.html>.

¹⁰ China Futures Association, *Luật TTDS nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sửa đổi năm 2023)*, https://www.cfachina.org/governmentruleslawsandregulations/202401/t20240104_63471.html.

¹¹ Điều 67 Luật TTDS năm 2023.

¹² Điều 68 Luật TTDS năm 2023.

tra, thu thập chứng cứ từ các đơn vị, cá nhân có liên quan và các đơn vị, cá nhân này không được từ chối yêu cầu điều tra, cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án¹³. Ngoài ra, Luật TTDS Trung Quốc cũng quy định trường hợp Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ ở nước ngoài và các cách thức tiến hành thu thập¹⁴, cụ thể: Trường hợp chứng cứ mà đương sự yêu cầu TAND điều tra, thu thập nằm ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thì TAND có thể điều tra, thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục được quy định trong Điều ước quốc tế mà nước có chứng cứ và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký kết hoặc cùng tham gia hoặc thông qua kênh ngoại giao.

Trong trường hợp pháp luật của quốc gia nơi vụ án được thụ lý không cấm, TAND có thể điều tra và thu thập thông tin theo những cách sau đây: i) Đối với các bên đương sự hoặc nhân chứng là công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại quốc gia nơi bên đương sự hoặc nhân chứng đó cư trú có thể được ủy thác để thu thập chứng cứ thay mặt cho họ; hoặc ii) Với sự đồng ý của cả hai bên, bằng chứng có thể được thu thập thông qua các công cụ nhắn tin tức thời; iii) Thu thập chứng cứ bằng các biện pháp khác do hai bên thỏa thuận.

2.2. Nhận xét, đánh giá

Có thể thấy, trong TTDS Trung Quốc, Tòa án có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ. TAND phải điều tra, thu thập chứng cứ mà đương sự, người đại diện của đương sự không thể tự mình thu thập vì lý do khách quan hoặc chứng cứ cần thiết cho việc xét xử vụ án. TAND có quyền điều tra, thu thập chứng cứ từ các đơn vị, cá nhân có liên quan và đơn vị, cá nhân này không được từ chối yêu cầu của Tòa án.

Theo pháp luật Trung Quốc, điều kiện để đương sự yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ trong TTDS dường như “ít khắt khe” hơn, tính quyền lực của cơ quan Tòa án trong xét xử dân sự có vẻ “đậm đặc” hơn so với pháp luật Việt Nam, thể hiện thông qua quy định tính chủ động điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án và điều kiện để đương sự yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ khi “thấy cần thiết”. Quy định này làm rõ vai trò trung tâm của Tòa án, đồng thời thể hiện tính chủ động cao trong hoạt động xét xử, bảo

đảm công bằng trong TTDS; đồng thời, tạo điều kiện cho đương sự thực hiện hiệu quả quyền tiếp cận chứng cứ khi tham gia hoạt động TTDS. Tuy nhiên, điều này cũng có thể dẫn tới việc đương sự ỷ lại Tòa án, tăng gánh nặng cho cơ quan xét xử, nguy cơ lạm dụng yêu cầu hỗ trợ trong TTDS của nước này.

3. So sánh những điểm tương đồng và khác biệt của quy định Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ trong tố tụng dân sự hai quốc gia

Điểm tương đồng: Cả hai hệ thống đều thừa nhận Tòa án có vai trò trong việc hỗ trợ thu thập chứng cứ khi đương sự không thể tự thu thập. Quy định của cả hai hệ thống pháp luật đều xác định trách nhiệm chính trong việc cung cấp chứng cứ, chứng minh thuộc về đương sự; Tòa án chỉ hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ khi cần thiết. Đối tượng chứng cứ mà Tòa án hỗ trợ thu thập thường do bên thứ ba nắm giữ, có cơ chế yêu cầu bên thứ ba cung cấp, bàn giao, hoặc trưng cầu giám định, và các thủ tục tương trợ tư pháp quốc tế khác. Mục tiêu hướng đến của cả hai hệ thống pháp luật trong việc quy định này là bảo đảm quyền chứng minh của đương sự nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Điểm khác biệt: Về mức độ chủ động, Tòa án Việt Nam thiên về “hỗ trợ khi đương sự yêu cầu và yêu cầu đó chỉ thực hiện khi đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được”. Trong khi đó, Tòa án Trung Quốc có thể chủ động hơn, ngoài thu thập tài liệu, chứng cứ khi có yêu cầu từ đương sự, Tòa án còn có thể chủ động thu thập tài liệu chứng cứ khi xét thấy cần thiết cho việc xét xử vụ án. Cách tiếp cận của Trung Quốc nhằm bảo đảm tốt hơn tính công bằng, tránh tình trạng đương sự yếu thế không có khả năng tiếp cận chứng cứ; trong khi cách tiếp cận của Việt Nam lại giữ vững nguyên tắc tranh tụng và hạn chế sự can thiệp quá sâu của Tòa án.

Từ góc độ học thuật, có thể khẳng định mức độ chủ động cao của Tòa án Trung Quốc góp phần bảo đảm quyền tiếp cận công lý và tính thực chất của tố tụng, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ làm giảm tính tranh tụng, dẫn tới Tòa án “gánh thay” trách nhiệm chứng minh của đương sự. Ngược lại, mức độ thụ động ở Việt Nam giúp duy trì ranh giới giữa chức năng xét xử và nghĩa vụ chứng minh, nhưng trong một số trường hợp, lại gây khó khăn

¹³ Điều 70 Luật TTDS năm 2023.

¹⁴ Điều 284 Luật TTDS năm 2023.

cho đương sự và ảnh hưởng đến tính công bằng của phán quyết. Do đó, vấn đề đặt ra là Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm Trung Quốc để xây dựng cơ chế cho phép Tòa án chủ động hơn trong những trường hợp đặc biệt quan trọng, thay vì chỉ dừng lại ở “hỗ trợ theo yêu cầu” như hiện nay.

4. Bài học kinh nghiệm và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Để đương sự thực hiện hiệu quả trách nhiệm cung cấp và chứng minh trong TTDS, cần đảm bảo điều kiện thuận lợi cho đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ nói chung, biện pháp “yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ” nói riêng là rất cần thiết, bởi kết quả chứng minh phải được thể hiện trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có được. Vì vậy, vấn đề về thu thập tài liệu, chứng cứ của đương sự nói chung, biện pháp thu thập chứng cứ “yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ” nói riêng cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện, trong đó bao gồm các khía cạnh sau:

Thứ nhất, nói lỏng điều kiện để đương sự được yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ. Pháp luật Trung Quốc không bắt buộc đương sự phải chứng minh đã “bất lực” trong việc tự thu thập chứng cứ là điều kiện duy nhất để yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện cách thức đảm bảo quyền tiếp cận công lý một cách thực chất. Pháp luật Việt Nam có thể tham khảo theo hướng giảm bớt các thủ tục chứng minh không cần thiết, và khi thực hiện quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án chỉ yêu cầu đương sự nêu rõ loại chứng cứ và cơ quan, tổ chức đang lưu giữ là đủ cơ sở để Tòa án xem xét.

Thứ hai, tăng cường vai trò chủ động của Tòa án trong thu thập chứng cứ. Mô hình tố tụng của Trung Quốc cho thấy, Tòa án có thể đóng vai trò tích cực trong việc bảo đảm công bằng tố tụng, nhất là trong các vụ việc mà chứng cứ nằm hoàn toàn trong tay cơ quan công quyền hoặc các tổ chức kinh tế lớn. Pháp luật TTDS Việt Nam nên cân nhắc mở rộng quyền chủ động của Tòa án, không chỉ giới hạn ở việc “bổ trợ” cho nghĩa vụ chứng minh của đương sự, mà coi đó là một trách nhiệm trong việc bảo đảm giải quyết vụ án đúng đắn, toàn diện.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu quốc gia. Sở dĩ Trung Quốc dễ dàng tiếp nhận những yêu cầu thu thập chứng cứ cho đương sự một phần là từ hệ thống dữ liệu của nước bạn. Trung Quốc hoàn thiện hệ thống

dữ liệu quốc gia hỗ trợ thu thập chứng cứ đã mang lại nhiều hiệu quả rõ ràng: Rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, nâng cao độ chính xác và khách quan của chứng cứ, giảm phụ thuộc vào thủ tục hành chính. Đây là một hướng đi đáng học hỏi cho Việt Nam trong việc xây dựng cơ chế truy cập dữ liệu tư pháp cho Tòa án: Có thể tạo “cổng thông tin tư pháp điện tử” kết nối với dữ liệu quốc gia (về cư trú, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng...), cho phép Tòa án tra cứu trực tiếp bằng tài khoản bảo mật; ứng dụng công nghệ mới (AI, blockchain, chữ ký số...) nhằm đảm bảo dữ liệu được xác thực, toàn vẹn và có giá trị pháp lý cao trong tố tụng.

Thứ tư, linh hoạt trong áp dụng nguyên tắc TTDS. Các nguyên tắc về trách nhiệm cung cấp chứng cứ, chứng minh; nguyên tắc tranh tụng cần tiếp tục được phát huy nhằm bảo đảm đương sự được chủ động thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia TTDS, bao gồm quyền, nghĩa vụ trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, quan điểm của mình. Vì vậy, cùng với việc “nói lỏng điều kiện” yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ, pháp luật TTDS cần hoàn thiện các quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc kiểm soát tính cần thiết và tính liên quan của yêu cầu, tránh tình trạng đương sự ỷ lại hoặc lạm dụng quyền yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ thay mình. Ngoài việc xem xét nội dung yêu cầu thu thập chứng cứ, cũng cần xem xét đến đối tượng yêu cầu để đảm bảo tất cả người dân đều được hỗ trợ và bảo vệ bởi pháp luật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BLTTDS năm 2015;
2. Luật TTDS nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sửa đổi năm 2023);
3. Triệu Thị Loan - Vũ Thị Hà (2025), *Trách nhiệm hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ giải quyết vụ án dân sự - Một số vấn đề cần lưu ý và đề xuất, kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/trach-nhiem-ho-tro-cua-toa-an-trong-viec-thu-thap-chung-cu-giai-quyet-vu-an-dan-su-mot-so-van-de-can-luu-y-va-de-xuat-kiem-nghi13921.html>;
4. Song Hà (2024), *Tòa án thu thập và hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ là cần thiết*, <https://daibieu-nhandan.vn/toa-an-thu-thap-va-ho-tro-thu-thap-tai-lieu-chung-cu-la-can-thiet-10338462.html>;
5. Yuan Zhonghua (2020), “Về quyền điều tra và thu thập chứng cứ của thẩm phán trong TTDS,” *Tạp chí Pháp lý Trung Quốc*, số 5/2020, https://msf.chinalaw.org.cn/portal/article/index/id/161.html?utm_source.